TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2022
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ BỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
  Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Đinh Thị Hồng Hà
  Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường
  Ông Nguyễn Văn Hải
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Khuất Cao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp.Vũng Tàu, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 606/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HPT ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Ông Trình N, sinh năm 1986 (có mặt)
  Địa chỉ: Đường X, phường M, thành phố P, tỉnh Q.
- ***Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1991 (có mặt)
  Địa chỉ: Đường X, phường M, thành phố P, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2021, trong bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Trình N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị A sau thời gian tìm hiểu nhau trong vòng 06 năm thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu vào năm 2014. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, đặc biệt là trong thời gian bà A mang bầu và chăm sóc con nhỏ, vợ chồng không có sự

quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông Nam thừa nhận hiện nay ông đã không còn tình cảm với vợ. Trong thời gian nhờ Tòa án giải quyết, vợ chồng cũng không có trao đổi, mỗi người sống một cuộc sống riêng nên ông vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà A.

Ông xác nhận bà A là một người con dâu ngoan, một người mẹ tốt. Hiện tại bà A sống cùng với bố mẹ ông và cùng bố mẹ chăm sóc hai con. Ông và bà A đã sống ly thân từ hồi tháng 6/2021. Hiện nay ông đang công tác tại Công ty Điện lực tỉnh BR-VT, thu nhập 9.000.000 đồng/01 tháng.

- Về con chung: Ông và bà A có 02 con chung là Trình Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 24-5-2015 và Trình Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/02/2020. Ông đồng ý để bà A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con. Ông cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Ông tự nguyện chịu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Diễm không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà xác nhận bà và ông Nam có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu vào năm 2014. Về yêu cầu ly hôn của ông N thì bà không đồng ý, bà cho biết rằng thời điểm bà sinh con và bận chăm sóc con nhỏ, chồng vẫn quan tâm, chăm sóc bà, vợ chồng vẫn chia sẻ tình cảm với nhau. Hiện nay bà vẫn còn tình cảm với chồng, các con còn nhỏ nên bà muốn con có sự quan tâm, chăm sóc của người cha.

Hiện tại, bà đang sống chung với bố mẹ chồng, một mình chăm sóc hai con, ông N đã ra ngoài sống từ tháng 6/2021. Một mình bà chăm sóc hai con rất vất vả, các con đang còn rất nhỏ tuổi nên bà muốn ông N phải cùng bà chăm sóc con. Vì cuộc sống hôn nhân không chỉ có tình yêu mà còn có trách nhiệm của người chồng, người cha nên giờ ông N không thể nói hết tình cảm để bỏ mặc mẹ con bà. Bà đề nghị Tòa án cho vợ chồng bà thêm thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung là Trình Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 12-5-2015 và Trình Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/02/2020. Trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con. Bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị A vẫn giữ ý kiến không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp phải ly hôn thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc hai con. Bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nuôi con 2.500.000 đồng/tháng/02 con. Ông N cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án đã thu thập các chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án: Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại điều 51, điều 236, điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương đã chấp hành đúng quy định của pháp luật –

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trình N, ông N được ly hôn với bà Nguyễn Thị A; Về con chung: ghi nhận thỏa thuận giữa ông N và bà A, đề nghị hội đồng xét xử giao con chung là Trình Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 12-5-2015 và Trình Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/02/2020 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đã thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: ghi nhận việc ông N đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng/02 con; Về tài sản chung: Ông Trình N và bà Nguyễn Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Ông Trình N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:***

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trình N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị A có địa chỉ cư trú tại Chung cư 13 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. ***Về nội dung*:**

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trình N kết hôn với bà Nguyễn Thị A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu vào năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N xác định không còn tình cảm với bà A, không còn mong muốn duy trì cuộc sống hôn nhân vì ông và bà A đã có thời gian tìm hiểu nhau rất dài, sau đó về chung sống với nhau đã xảy ra những va chạm khiến cho tình cảm của ông dành cho bà A đã phai nhạt. Ông thừa nhận bà A không có lỗi lầm gì, bà A là người mẹ rất tốt, người con dâu hiếu thảo, tuy nhiên do bận chăm sóc con nhỏ nên vợ chồng ông không còn trao đổi tình cảm, chia sẻ mọi việc trong cuộc sống. Ngoài lý do ly hôn vì không còn tình cảm với bà A thì ông không còn lý do nào khác. Hiện tại bà A sống cùng với bố mẹ ông và cùng bố mẹ chăm sóc hai con, còn ông đã ra ngoài sống từ tháng 6/2021. Tuy ly hôn nhưng ông sẽ vẫn làm tròn trách nhiệm của người cha, sẽ cố gắng cấp dưỡng để các con có cuộc sống đầy đủ và cùng bà A nuôi dạy các con phát triển tốt.

Về phía bà A khẳng định vẫn còn tình cảm với ông N, các con còn nhỏ nên bà muốn con có sự quan tâm, chăm sóc của ông N nên không đồng ý ly hôn. Bà cho rằng cuộc sống không chỉ có tình yêu mà còn cần trách nhiệm của người chồng, người cha.

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân là sự kết hợp thiêng liêng giữa N và nữ trên cơ sở tình yêu, sự hòa hợp về quan điểm, cách sống và chia sẻ trách nhiệm chung để cùng xây dựng một gia đình, chung sống lâu dài. Do vậy, việc duy trì tình yêu trong hôn nhân là yếu tố then chốt để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Quá trình làm việc, Tòa án đã cho thời gian để hai bên hàn gắn, giải quyết mâu thuẫn, tuy nhiên việc ông N và bà A không còn sống chung một thời gian dài đã làm mất đi sự kết nối tình cảm giữa cả hai, hai bên cũng không còn quan tâm, trao đổi, chia sẻ tình cảm với nhau.

Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích chung của cuộc hôn nhân giữa ông N và bà A không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài do đó yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà A là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: Ông N và bà A có 02 con chung là Trình Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 12-5-2015 và Trình Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/02/2020.

Ông N nhường quyền nuôi hai con cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy hiện nay hiện nay hai con chung đang ở với bà A, bà A cũng có nguyện vọng nuôi hai con trong trường hợp phải ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận giữa ông N và bà A về việc giao hai con chung cho bà A tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà A yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng/con và ông N cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nên ghi nhận thỏa thuận của hai bên.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông N và bà A không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3].*Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ông Trình N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

TUYÊN XỬ:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Trình N đối với bà Nguyễn Thị A. Ông N được ly hôn bà A.

2. Về con chung: Ông N và bà A có 02 con chung là Trình Nguyễn Ngọc Linh, sinh ngày 12-5-2015 và Trình Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/02/2020. Ghi nhận việc thỏa thuận giữa ông N và bà A về việc giao hai con chung cho bà A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ông Trình N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc thỏa thuận giữa ông N và bà A về mức cấp dưỡng nuôi con, ông N cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng/con. Thời hạn cấp dưỡng tính từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trình N và bà Nguyễn Thị A không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Trình N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001094 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông Trình N phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trình N và bà Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;*
- *Viện kiểm sát ND TP. Vũng Tàu;*
- *Thi hành án Dân sự TP VũngTàu;*
- *UBND Phường 3, TP Vũng Tàu;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đinh Thị Hồng Hà